

Bản án số: 05/2018/KDTM - ST.

Ngày: 25 - 10 - 2018.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu.

Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST - KDTM, ngày 21 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST - DS, ngày 10 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân K; địa chỉ: Quốc lộ 60, ấp Trường Thành A, xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T; sinh năm 1974; chức vụ: Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân K là người đại diện theo ủy quyền “văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017” (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Hồng C; sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trương Thanh T; sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3.2. Ông Võ Cao B; sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 01/8/2017 của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Ngày 18/6/2015 ông Võ Hồng C đã ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân K (sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng) hợp đồng tín dụng số: 0888/15/HĐTD và phụ lục hợp đồng ngày 18/6/2015 để vay số tiền là 250.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,20%/tháng, lãi quá hạn 1,80%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng từ ngày 18/6/2015 đến ngày 18/6/2016, mục đích vay kinh doanh mua bán lúa gạo.

Để đảm bảo khoản nợ vay ông C và bà Trương Thanh T đã ký kết với Quỹ tín dụng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 334/12/HĐTC ngày 23/5/2012 và phụ lục hợp đồng ngày 18/6/2015 để thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất số X 290200 do Ủy ban nhân dân thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng) cấp cho hộ ông Võ Hồng C ngày 16/7/2003 đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khóm x, phường x, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng và quyền sử dụng đất số AC 705590 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Võ Hồng C và bà Trương Thanh T ngày 19/5/2005 đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 07; tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện hợp đồng Quỹ tín dụng đã giải ngân cho ông C số tiền gốc là 250.000.000 đồng. Phía ông C đã vi phạm hợp đồng không thanh toán lãi và gốc cho Quỹ tín dụng theo hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 02 quyền sử dụng đất nêu trên, chỉ yêu cầu ông C và bà T hoàn trả cho nguyên đơn dư nợ gốc là 250.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 25/10/2018 là 165.450.000 đồng (trong đó lãi trong hạn là 36.600.000 đồng và lãi quá hạn là 128.850.000 đồng), tổng cộng là 415.450.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông C và bà T trả xong số nợ gốc.

- Đối với bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông C và bà T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho ông C và bà T được vì ông C và bà T đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông C và bà T theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 13/4/2018 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Cao B trình bày: Ông B đang quản lý, sử dụng thửa đất số 226, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng và thửa đất số 172, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khóm x, phường x, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng mà ông C và bà T đã thế chấp cho Quỹ tín dụng. Phần đất thuộc thửa 172 ông B thuê của ông C và bà T hiện nay đã hết thời gian thuê, phần đất thửa số 226 ông B nhận cầm cố của ông C và bà T với giá là 50 chỉ vàng 24k, thời gian cố là 03 năm nếu ông C và bà T không có khả năng chuộc lại đất thì ông B tiếp tục sử dụng.

Nay đối với yêu cầu của Quỹ tín dụng thì ông B không có ý kiến và không tranh chấp gì đối với 02 thửa đất nêu trên và thống nhất giao đất khi Quỹ tín dụng có yêu cầu. Đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông B và ông C, bà T khi có yêu cầu thì ông B sẽ khởi kiện sau.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K, buộc bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/10/2018 là 165.450.000 đồng và ông C, bà T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đến khi hoàn trả xong số nợ gốc. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 334/12/HĐTC ngày 23/5/2012 và phụ lục hợp đồng ngày 18/6/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T, nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho ông C và bà T được vì họ đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và

Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông C và bà T. Bị đơn bà ông Võ Hồng C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông C và bà T.

[2] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 334/12/HĐTC ngày 23/5/2012 và phụ lục hợp đồng ngày 18/6/2015 đối với tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất số X 290200 do Ủy ban nhân dân thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng) cấp cho hộ ông Võ Hồng C ngày 16/7/2003 đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khóm x, phường x, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Sóc Trăng và quyền sử dụng đất số AC 705590 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Võ Hồng C và bà Trương Thanh T ngày 19/5/2005 đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T hoàn trả tổng số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng tính đến ngày 25/10/2018 là 165.450.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi ông C và bà T trả xong số nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc ông Võ Hồng C có vay vốn, Quỹ tín dụng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là: Hợp đồng tín dụng số: 0888/15/HĐTD ngày 18/6/2015 (bút lục từ 33 - 34) có chữ ký của ông C và ở mục bên vay và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông C và bà T biết nhưng họ không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định ông C đã vay và nhận đủ của Quỹ tín dụng số tiền gốc là 250.000.000 đồng. Sau khi được Quỹ tín dụng giải ngân theo hợp đồng thì ông C không thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho Quỹ tín dụng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc ông C không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 7 của hợp đồng mà các bên đã ký kết, ông C là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Quỹ tín dụng yêu cầu bị đơn ông C và bà T hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp theo quy định tại

khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi thì tại Điều 2 của hợp đồng số: 0888/15/HĐTD ngày 18/6/2015 (bút lục từ 33) Quỹ tín dụng và ông C đã giao kết mức lãi suất cho vay là 1,20%/tháng, lãi quá hạn là 1,80%/tháng nên ông C và bà T phải có nghĩa vụ trả lãi cho Quỹ tín dụng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông C và bà T phải hoàn trả cho Quỹ tín dụng số tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng tính từ ngày ký hợp đồng 18/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/10/2018 là 165.450.000 đồng, trong đó lãi trong hạn là 36.600.000 đồng và lãi quá hạn là 128.850.000 đồng; ông C và bà T còn phải trả cho Quỹ tín dụng tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/10/2018 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

Như vậy, bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K dư nợ tính đến ngày 25/10/2018 số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi là 165.450.000 đồng, tổng cộng là 415.450.000 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn Quỹ tín dụng phải chịu 1.640.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp xong.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T phải chịu 20.618.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K. Bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K dư nợ tính đến ngày 25/10/2018 với số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 163.450.000 đồng (một trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 415.450.000 đồng (bốn trăm mười lăm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và ông C, bà T còn phải trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 26/10/2018 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 334/12/HĐTC ngày 23/5/2012 và phụ lục hợp đồng ngày 18/6/2015 đối với tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất số X 290200 do Ủy ban nhân dân thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng) cấp cho hộ ông Võ Hồng C ngày 16/7/2003 đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khóm x, phường x, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Sóc Trăng và quyền sử dụng đất số AC 705590 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp cho ông Võ Hồng C và bà Trương Thanh T ngày 19/5/2005 đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp A, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K phải chịu 1.640.000 đồng (một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), số tiền này nguyên đơn đã nộp xong. Bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn ông Võ Hồng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T phải chịu 20.618.000 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm mười tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 8.695.000 đồng (tám triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008387 ngày 16/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung